TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 196/2020/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 19 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 183/2020/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: ***Chị Phạm Ngọc M***, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Cổ Chế, xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: ***Anh Vũ Mạnh T***, sinh năm 1987; HKTT: Thôn Cổ Chế, xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Ngọc M và anh Vũ Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ An V sinh ngày 10/11/2018 cho chị Phạm Ngọc M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Vũ Mạnh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M là 2.000.000đồng/ 1

tháng (hai triệu đồng/ một tháng) kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Ghi nhận việc chị Phạm Ngọc M tự nguyện nộp cả 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005883 ngày 08/10/2020 tại Chi cụ thi hành án dân sự huyện P. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Vũ Mạnh T còn phải nộp 150.000đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).